TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 9- 2023

"V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị T- anh Nh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Đức

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Diệu, ông Đào Duy Thiều.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lan Hướng- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2023/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐHPT-ST ngày 17/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Đăng Nh, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Nh*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Đăng Nh tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/5/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã A sau đó đi lao động tự do. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 3/2019 mâu thuẫn căng thẳng, chị Tđã đưa 02 con chung trở về quê tại xã S, huyện Th sống

ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh Nh.

Về con chung: Chị Tkhai chị và anh Nh có 02 con chung là Hoàng Nhật L, sinh ngày 13/6/2009 và Hoàng Nhật Ph, sinh ngày 21/4/2012 hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn xảy ra chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Tkhai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Hoàng Đăng Nh: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh Nh biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh Nh vẫn vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh Nh và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh Nh vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tđược ly hôn anh Nh; Về con chung: Xử giao con chung cho chị Tđược trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tkhông yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung do chị T và anh Nh không yêu cầu giải quyết tài sản chung vì vậy không đặt ra giải quyết; Chị Tphải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn H, xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Đăng Nh được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/5/2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh Nh sinh sống tại gia đình anh Nh và đi lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Do không thể chung sống, tháng 3/2019 chị Tđã đưa 02 con chung trở về gia đình bố mẹ đẻ tại xã S, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa sinh sống và sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Tlàm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Còn đối với anh Nh quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh Nh biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh Nh vắng mặt. Qua xác minh lời khai bà Nguyễn Thị N1là mẹ đẻ anh Nh và ông Phạm Đăng T1là Công chức Tư pháp xã Ađã cung cấp và xác nhận anh Nh đăng ký hộ khẩu và cư trú cùng gia đình tại thôn H, xã A, hiện tại anh Nh đi làm ăn tự do không cố định địa chỉ nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà. Quan điểm của bà N1và ông T1 đề nghị Tòa án hòa giải để chị T trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị Tòa căn cứ vào thực trạng hôn nhân để giải quyết yêu cầu của chị Ttheo quy định của pháp luật. Đối với chị Ttại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Nh. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị Tvà anh Nh đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Tđược ly hôn anh Nh là có căn cứ.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Tvề nuôi dưỡng con chung cho thấy chị Tvà anh Nh có 02 con chung là Hoàng Nhật L, sinh ngày 13/6/2009 và Hoàng Nhật Ph, sinh ngày 21/4/2012. Qua xác minh cho thấy con chung được chị T nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị T hiện tại làm công nhân có thu nhập ổn định. Hai con chung hiện đang ổn định sinh sống, học tập tại nơi cư trú và có đơn gửi Tòa án bày tỏ nguyện vọng xin được ở với mẹ. Quan điểm của ông T1 và bà N1đề nghị Tòa án gải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần xử giao 02 con chung cho chị Tđược trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Tvà anh Nh có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147,

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Đăng Nh.

2/Về con chung: Xử giao 02 con chung Hoàng Nhật L, sinh ngày 13/6/2009 và Hoàng Nhật Ph, sinh ngày 21/4/2012 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nh có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Tđã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005836 ngày 16/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị Tcó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Thái Bình;
-TAND tỉnh Thái Bình;
-VKSND huyện Quỳnh Phụ;
-Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
-UBND xã A;
-Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC